

Số: 2360/QĐ-BYT

Hà Nội, ngày 05 tháng 7 năm 2011

QUYẾT ĐỊNH
Phê duyệt Kế hoạch tổng thể ứng dụng
và phát triển công nghệ thông tin của Bộ Y tế giai đoạn 2011-2015

BỘ TRƯỞNG BỘ Y TẾ

Căn cứ Luật Công nghệ thông tin ngày 29 tháng 6 năm 2006;

Căn cứ Nghị định số 188/2007/NĐ-CP ngày 27/12/2007 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Y tế; Nghị định số 22/2010/NĐ-CP ngày 9/3/2010 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung Điều 3 Nghị định 188/2007/NĐ-CP ngày 27/12/2007 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Y tế;

Căn cứ Nghị định số 64/2007/NĐ-CP của Chính phủ ngày 10 tháng 4 năm 2007 của Chính phủ về ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước;

Căn cứ Quyết định số 1605/QĐ-TTg ngày 27 tháng 8 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình quốc gia về ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước giai đoạn 2011-2015;

Trên cơ sở ý kiến thẩm định của Bộ Thông tin và Truyền thông;

Xét đề nghị của Ông Vụ trưởng Vụ Khoa học và Đào tạo,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kèm theo Quyết định này Kế hoạch tổng thể ứng dụng và phát triển công nghệ thông tin của Bộ Y tế giai đoạn 2011-2015 (sau đây gọi tắt là Kế hoạch).

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Căn cứ vào Kế hoạch này các đơn vị của Bộ Y tế có trách nhiệm xây dựng kế hoạch 5 năm và kế hoạch hàng năm về ứng dụng và phát triển công nghệ thông tin của đơn vị mình; triển khai, theo dõi, giám sát, đánh giá và báo cáo định kỳ hàng năm và đột xuất theo hướng dẫn và yêu cầu quản lý của cơ quan quản lý nhà nước về công nghệ thông tin và của Vụ Khoa học và Đào tạo để tổng hợp báo cáo Bộ trưởng.

2. Khi xây dựng các dự án, nhiệm vụ ứng dụng và phát triển công nghệ thông tin các đơn vị chủ trì phải có trách nhiệm phối hợp với Vụ Khoa học và

Đào tạo, Vụ Kế hoạch và Tài chính và các đơn vị liên quan xây dựng, thẩm định, trình cấp có thẩm quyền quyết định.

3. Vụ Kế hoạch và Tài chính có trách nhiệm tổng hợp, cân đối kinh phí (chỉ thường xuyên, chi đầu tư phát triển) để thực hiện các dự án, nhiệm vụ ứng dụng công nghệ thông tin theo Kế hoạch này.

4. Cục quản lý khám, chữa bệnh có trách nhiệm phối hợp với Vụ Khoa học và Đào tạo đưa ra quy trình chuẩn khám chữa bệnh làm cơ sở cho việc ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý bệnh viện.

5. Viện Công nghệ thông tin và Thư viện Y học Trung ương có trách nhiệm hỗ trợ cơ quan quản lý trong việc ứng dụng công nghệ thông tin trong Kế hoạch này.

6. Vụ Khoa học và Đào tạo định kỳ hàng năm và đột xuất đánh giá việc ứng dụng công nghệ thông tin của các đơn vị thuộc Bộ Y tế; phối hợp hỗ trợ Sở Y tế các tỉnh/thành phố trực thuộc trung ương triển khai ứng dụng công nghệ thông tin phục vụ nhiệm vụ chuyên môn gắn với Kế hoạch này.

7. Vụ Khoa học và Đào tạo có trách nhiệm hướng dẫn, kiểm tra và tổng hợp việc thực hiện Kế hoạch của các đơn vị; xây dựng báo cáo tổng hợp hàng năm hoặc đột xuất trình Bộ trưởng; đề xuất việc điều chỉnh các nội dung của Kế hoạch cho phù hợp với điều kiện thực tiễn quản lý nhà nước của Bộ Y tế cũng như các chủ trương, đường lối, chính sách và chiến lược ứng dụng và phát triển công nghệ thông tin - truyền thông của Chính phủ.

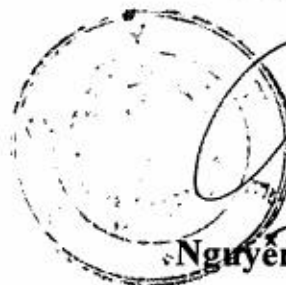
Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

Điều 4. Chánh Văn phòng Bộ, Vụ trưởng Vụ Khoa học và Đào tạo, Vụ trưởng Vụ Kế hoạch và Tài chính, Chánh Văn phòng Ban chỉ đạo triển khai ứng dụng và phát triển công nghệ thông tin ngành y tế, Giám đốc Sở Y tế các tỉnh/thành phố trực thuộc trung ương và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 4;
- Bộ trưởng Bộ Y tế (để b/c);
- Các Thủ trưởng Bộ Y tế;
- Bộ Thông tin và Truyền thông;
- Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
- Bộ Tài chính;
- Ban chỉ đạo quốc gia về CNTT;
- Lưu: VT, K2ĐT (3).

**KT.BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



Nguyễn Thị Kim Tiên

KẾ HOẠCH
TỔNG THỂ ỨNG DỤNG VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ THÔNG TIN
CỦA BỘ Y TẾ GIAI ĐOẠN 2011-2015

*(Ban hành kèm theo Quyết định số: 2360/QĐ-BYT
ngày 05 tháng 7 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Y tế)*

A. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu tổng quát

a) Xây dựng, phát triển hệ thống hạ tầng công nghệ thông tin tích hợp, thống nhất tại cơ quan Bộ Y tế và các đơn vị trực thuộc đáp ứng được yêu cầu tăng cường hiệu quả công tác quản lý, chỉ đạo, điều hành, phát huy hiệu quả việc trao đổi văn bản, tài liệu điện tử y tế trên môi trường mạng.

b) Đảm bảo trang bị và duy trì hoạt động bền vững của các hệ thống tin y tế phục vụ công tác quản lý, điều hành.

c) Tăng cường vai trò của CNTT trong việc đảm bảo sự hợp tác, gắn kết giữa Bộ Y tế với các Bộ, Ngành ở trung ương, các cấp chính quyền ở địa phương, với đơn vị trực thuộc, với Sở Y tế, và với tổ chức cá nhân trong xã hội.

2. Mục tiêu cụ thể đến năm 2015

a) Về hạ tầng kỹ thuật

- Đảm bảo cơ sở hạ tầng kỹ thuật bao gồm phần cứng, phần mềm cho việc trao đổi thông tin thông suốt, an toàn, bảo mật trong cơ quan Bộ Y tế, các đơn vị tuyến trung ương, Sở Y tế và giữa các đơn vị với nhau, đáp ứng yêu cầu cơ bản phục vụ nhân dân.

- Đảm bảo đủ trang thiết bị công nghệ thông tin – truyền thông (CNTT-TT) phục vụ yêu cầu cơ bản ở tất cả các đơn vị y tế từ tuyến huyện trở lên.

- Xây dựng Trung tâm tích hợp dữ liệu y tế quốc gia.

b) Về ứng dụng CNTT trong nội bộ cơ quan nhà nước

- Đảm bảo hệ thống CNTT phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành, trao đổi thông tin từ Bộ Y tế đến các đơn vị trực thuộc và các Sở Y tế thông suốt, kịp thời; 60% các văn bản, tài liệu chính thức trao đổi giữa Bộ Y tế với các đơn vị trong Ngành Y tế được thực hiện dưới dạng điện tử.

- Bảo đảm dữ liệu điện tử phục vụ hoạt động quản lý, điều hành tại Bộ Y tế và các Sở Y tế, hoạt động quản lý chuyên môn, nghiệp vụ tại đơn vị trực thuộc Bộ Y tế và hỗ trợ các đơn vị khác trong Ngành Y tế.

- Đến năm 2015, có các phần mềm hỗ trợ 100% các hoạt động quản lý, điều hành tại cơ quan Bộ Y tế.

- Đến năm 2015, 100% các cơ quan, đơn vị trực thuộc Bộ Y tế ứng dụng CNTT để quản lý mọi mặt hoạt động quản lý, chuyên môn, nghiệp vụ hành chính.

- 100% cán bộ, công chức, viên chức của Bộ Y tế và các đơn vị trực thuộc sử dụng thư điện tử để trao đổi thông tin và thường xuyên khai thác thông tin trên Internet.

c) Về ứng dụng CNTT phục vụ người dân và doanh nghiệp

- Đến năm 2015, có 90% dịch vụ hành chính công trên cổng thông tin điện tử Bộ Y tế và 60% trên website Sở y tế được thực hiện trực tuyến mức độ 3 trở lên, số còn lại ở mức độ 2.

- 100% đơn vị trực thuộc và Sở y tế có website và hệ thống email phục vụ cung cấp và trao đổi thông tin thông suốt.

d) Về nguồn nhân lực cho ứng dụng công nghệ thông tin

- Đảm bảo có đơn vị, bộ phận chuyên trách CNTT-TT tại các cơ sở y tế từ tuyến huyện trở lên, có đủ nguồn nhân lực CNTT-TT tại các bệnh viện.

- Đưa ra chính sách ưu đãi đặc thù ngành cho cán bộ chuyên trách CNTT y tế.

- Thiết lập được môi trường đào tạo CNTT chuyên sâu phục vụ cho lĩnh vực y tế:

- Đào tạo mới, đào tạo liên tục, cử cán bộ tham gia các khóa ngắn hạn trong và ngoài nước nhằm phục vụ tốt công tác chuyên môn.

B. NỘI DUNG CỦA KẾ HOẠCH

1. Hạ tầng kỹ thuật

- Xây dựng Cơ sở dữ liệu y tế quốc gia: Phục vụ cho việc quản lý điều hành của Bộ Y tế với các đơn vị trực thuộc và các Sở y tế. Trên cơ sở tích hợp các CSDL thành phần đảm bảo thông tin thông suốt giữa các tuyến khám chữa bệnh, y tế dự phòng, môi trường, đào tạo và vật tư trang thiết bị y tế nhằm tăng cường tính bền vững đồng thời là cơ sở tốt cho khám chữa bệnh, nghiên cứu khoa học, đào tạo.

- Kết nối mạng WAN ngành y tế: Là một trong nhiệm vụ trọng tâm đảm bảo thông tin liên lạc thông suốt, tính ổn định, bảo mật và bền vững cao trong ngành đặc thù liên quan đến tính mạng con người.

- Xây dựng hạ tầng CNTT phục vụ giao tiếp với người dân.

- Xây dựng hệ thống bảo mật, an toàn, an ninh thông tin, ứng dụng chữ ký số.

- Nâng cấp hệ thống máy chủ, sao lưu dự phòng giúp cho các ứng dụng CNTT y tế hoạt động có hiệu quả.

- Xây dựng và nâng cấp mạng LAN tại các bệnh viện và các cơ sở y tế khác nhằm chuẩn bị cho việc chia sẻ và trao đổi thông tin nội bộ.

2. Ứng dụng CNTT trong cơ quan nhà nước:

- Xây dựng chuẩn trao đổi thông tin điện tử y tế, chuẩn quy trình hoạt động y tế có ứng dụng CNTT và các chuẩn về CNTT sử dụng trong ngành y tế.

- Xây dựng các văn bản pháp quy và hướng dẫn các hoạt động y tế trên môi trường mạng.

- Xây dựng CSDL về đào tạo và Quản lý nguồn nhân lực y tế.

- Xây dựng cơ sở dữ liệu dân số và quản lý biến động dân cư.

- Xây dựng cơ sở dữ liệu về y dược học cổ truyền.

- Ứng dụng CNTT trong quản lý tổng thể bệnh viện; các cơ sở y tế (từng dự án riêng rẽ bằng các nguồn ngân sách khác nhau).

- Xây dựng hệ thống tin quản lý, điều hành của lãnh đạo (Hệ thống hỗ trợ quyết định).

- Xây dựng dịch vụ tư vấn y tế, khám chữa bệnh từ xa.

- Xây dựng bệnh án điện tử và hệ thống quản lý khám chữa bệnh.

- Xây dựng hệ thống quản lý thuốc, mỹ phẩm.

- Xây dựng hệ thống quản lý thông tin về thực phẩm.

- Xây dựng hệ thống thông tin kết nối liên thư viện ngành y tế.

- Xây dựng kiến trúc tổng thể CNTT ngành y tế.

- Xây dựng các quy trình nghiệp vụ để dùng chung cho các bệnh viện trong cả nước.

- Xây dựng các tiêu chuẩn thông tin y tế phục vụ cho việc trao đổi và chia sẻ thông tin trong y tế trong nước, và hướng tới chia sẻ và trao đổi dữ liệu với các bệnh viện trên thế giới trong tương lai.

- Ứng dụng CNTT trong quản lý hồ sơ cán bộ, công chức cơ quan Bộ.

3. Ứng dụng CNTT phục vụ người dân và doanh nghiệp

- Cung cấp các dịch vụ công trong lĩnh vực y, dược thuộc Danh sách các dịch vụ công ưu tiên mức độ 3 trong Quyết định 1605/QĐ-TTg:

1. Cấp, gia hạn chứng chỉ hành nghề y tư nhân qua mạng.

2. Cho phép tổ chức các đợt khám, chữa bệnh nhân đạo.

3. Cho phép người nước ngoài làm công việc chuyên môn tại Việt Nam.

4. Tiếp nhận và xem xét hồ sơ kê khai giá thuốc

5. Cấp số tiếp nhận công bố sản phẩm mỹ phẩm

6. Cấp Giấy tiếp nhận hồ sơ thông tin, quảng cáo thuốc

7. Cấp Giấy phép nhập khẩu thiết bị y tế

8. Đăng ký thử thuốc trên lâm sàng

9. Cấp Giấy chứng nhận tiêu chuẩn thực phẩm

10. Đăng ký khảo nghiệm hóa chất, chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế

11. Cấp giấy chứng nhận đăng ký lưu hành chính thức, bổ sung phạm vi sử dụng, đổi tên thương mại, lưu hành lại hóa chất, chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế

12. Cấp giấy phép nhập khẩu hóa chất diệt côn trùng, diệt khuẩn

13. Cấp giấy tiếp nhận hồ sơ đăng ký quảng cáo hóa chất diệt côn trùng, diệt khuẩn

4. Nguồn nhân lực cho ứng dụng CNTT

- Đào tạo cán bộ lãnh đạo và quản lý: Hình thức đào tạo cho cấp lãnh đạo được tổ chức một cách mềm dẻo để không ảnh hưởng đến công việc lãnh đạo chung, tổ chức các lớp học tập trung, ngắn hạn.

- Đào tạo đội ngũ nhân lực CNTT làm việc trong các đơn vị chuyên trách về CNTT trong ngành y tế:

+ Xây dựng ngạch bậc công chức cho cán bộ chuyên trách về công nghệ thông tin trong ngành y tế.

+ Xây dựng kế hoạch đào tạo và tuyển dụng đội ngũ cán bộ làm công tác CNTT y tế. Có chế độ chính sách ưu đãi cho cán bộ làm công tác công nghệ thông tin trong ngành y tế ngang bằng như cán bộ y tế khối lâm sàng (chế độ trực, ưu đãi ngành, độc hại...) để tuyển dụng, thu hút nguồn nhân lực CNTT;

+ Xây dựng kế hoạch đào tạo hàng năm cho đội ngũ cán bộ chuyên trách CNTT.

- Phổ cập ứng dụng CNTT cho đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức: Phổ cập bắt buộc sử dụng thành thạo máy tính, Internet,..; Đào tạo sử dụng trong hoạt động nghiệp vụ; Đào tạo bổ sung kiến thức về an toàn, an ninh thông tin trên mạng cho toàn thể cán bộ, công chức trong Bộ.

- Phối hợp với Bộ TTTT trong công tác đào tạo nguồn nhân lực bảo đảm an toàn, an ninh thông tin mạng.

- Xây dựng đơn vị chuyên trách công nghệ thông tin trong các đơn vị sự nghiệp y tế.

- Nghiên cứu tổ chức thành lập khoa công nghệ thông tin y tế trong các trường đại học y dược: Đại học Y Hà Nội, Đại học Y Dược TP. Hồ Chí Minh để đào tạo nguồn nhân lực công nghệ thông tin cho ngành y tế.

- Tuyên truyền nâng cao nhận thức CNTT cho cán bộ ngành y tế.

- Tuyển dụng cán bộ chuyên trách CNTT cho đủ số lượng cán bộ quản lý và cán bộ chuyên trách theo từng tuyến như trên.

- Tổ chức các lớp đào tạo về CNTT cho lãnh đạo các đơn vị.

- Đào tạo, bồi dưỡng CNTT cho công chức, viên chức.

- Đào tạo chuyên sâu và sau đại học cho cán bộ chuyên trách về CNTT (trong nước và nước ngoài).

- Xây dựng chương trình đào tạo về tin học y tế cho sinh viên tại các trường Cao đẳng, Đại học y dược.

- Học tập, trao đổi kinh nghiệm về ứng dụng công nghệ thông tin y tế với các nước phát triển. Xây dựng mô hình quản lý, tổ chức hệ thống công nghệ thông tin trong y tế hiệu quả. Tổ chức các khoá tham quan học tập nước ngoài cho đội ngũ cán bộ lãnh đạo, cán bộ quản lý chuyên trách CNTT.

C. GIẢI PHÁP

5.1. Giải pháp tài chính

- Bộ Y tế dự kiến ưu tiên dành tối thiểu 3% chi ngân sách để thực hiện Kế hoạch này.

- Đảm bảo đủ kinh phí cho các dự án đầu tư ứng dụng CNTT đã được phê duyệt và các dự án khác theo mức độ ưu tiên trong bản Kế hoạch này.

- Hỗ trợ kinh phí từ nguồn ngân sách trung ương cho việc xây dựng và triển khai kế hoạch CNTT y tế.

- Thu hút tài trợ từ tổ chức trong và ngoài nước cho các dự án công nghệ thông tin y tế.

- Bộ Y tế lập kế hoạch hàng năm để Bộ Thông tin và Truyền thông, Bộ Kế hoạch - Đầu tư, Bộ Tài chính có cơ sở bố trí đủ kinh phí đầu tư và kinh phí sự nghiệp cho các dự án ứng dụng công nghệ thông tin theo Kế hoạch này.

5.2. Giải pháp triển khai

- Chuẩn hoá các quy trình nghiệp vụ trong các lĩnh vực y tế do Bộ Y tế quản lý. Ban hành các quy định về cung cấp, trao đổi, thu thập thông tin trong cơ quan Bộ. Gắn với Chương trình cải cách hành chính và từng bước hình thành, đưa vào ứng dụng nền hành chính điện tử trong ngành Y tế;

- Phát huy vai trò đơn vị chuyên trách và quản lý công nghệ thông tin của Vụ Khoa học và Đào tạo và Văn phòng Ban chỉ đạo CNTT y tế trong việc tham mưu, giúp Bộ trưởng thống nhất quản lý hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin trong toàn Ngành; là đầu mối tổ chức thực hiện việc ứng dụng công nghệ thông tin trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Bộ;

- Giao dự án, nhiệm vụ công nghệ thông tin đến các đơn vị đầu mối tổ chức triển khai, thực hiện;

- Các đơn vị thuộc Bộ và các đơn vị trực thuộc bộ cần phối hợp chặt chẽ với Vụ Khoa học và Đào tạo để đảm bảo sự nhất quán, đạt hiệu quả cao trong việc ứng dụng công nghệ thông tin tại đơn vị mình;

- Các Sở Y tế căn cứ vào nội dung của Kế hoạch này và Kế hoạch ứng dụng công nghệ thông tin giai đoạn 2011-2015 của tỉnh/thành phố để xây dựng Kế hoạch ứng dụng công nghệ thông tin của đơn vị cho phù hợp;

- Tổ chức đánh giá định kỳ để rút kinh nghiệm.

5.3. Giải pháp tổ chức

- Kiện toàn bộ máy tổ chức chuyên trách công nghệ thông tin y tế các cấp;

- Tuyên truyền nâng cao hiểu biết, nhận thức, trách nhiệm của cán bộ, công chức, viên chức trong cơ quan Bộ và các cơ sở y tế về vai trò và tiện ích của việc ứng dụng công nghệ thông tin y tế.

5.4. Giải pháp môi trường chính sách

- Xây dựng hệ thống văn bản pháp qui và hướng dẫn thực hiện: Qui chế triển khai ứng dụng CNTT trong ngành y tế; Xây dựng các chính sách, qui chế đảm bảo an toàn, an ninh thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước; Các chuẩn thông tin và CNTT trong ngành y tế, Hướng dẫn xây dựng, triển khai ứng dụng CNTT tại các đơn vị đặc thù của Ngành: Sở Y tế, Bệnh viện, Viện và Trung tâm y tế dự phòng, Trung tâm Kiểm nghiệm Dược phẩm,...

- Xây dựng hệ thống chính sách ưu đãi, khuyến khích ứng dụng CNTT trong Ngành Y tế.

- Xây dựng chức danh CNTT trong ngành Y tế.

- Xây dựng văn bản hướng dẫn về cơ cấu tổ chức, chức năng, nhiệm vụ của bộ phận CNTT tại các đơn vị trong ngành y tế.

- Xây dựng dự án, đề án triển khai các hạng mục có trong kế hoạch này.

5.5. Các giải pháp khác

Công nghệ thông tin y tế cần được quán triệt từ Lãnh đạo đơn vị tới các công chức, viên chức trong ngành. Thủ trưởng các đơn vị chịu trách nhiệm chính trong việc triển khai ứng dụng công nghệ thông tin tại đơn vị. Các đơn vị thuộc Bộ, Sở Y tế các tỉnh/thành phố trực thuộc trung ương, các cơ sở y tế cần có kế hoạch, có lộ trình triển khai ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý, điều hành, cải cách thủ tục hành chính của đơn vị mình. Các cán bộ y tế thường xuyên ứng dụng CNTT trong công tác để nâng cao chất lượng và hiệu quả công việc.

D. DANH MỤC CÁC DỰ ÁN, NHIỆM VỤ CÔNG NGHỆ THÔNG TIN THỰC HIỆN TRONG GIAI ĐOẠN 2011-2015 (Phụ lục kèm theo)

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỦ TRƯỞNG**

Nguyễn Thị Kim Tiến



PHỤ LỤC

DANH MỤC CÁC DỰ ÁN, NHIỆM VỤ CNTT TRIỂN KHAI TRONG GIAI ĐOẠN 2011-2015

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 226/QĐ-BYT ngày 05 tháng 7 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Y tế)

STT	Tên dự án, nhiệm vụ	Mục tiêu	Nguồn vốn	Thời gian thực hiện	Đơn vị chủ trì
I	Hạ tầng kỹ thuật				
1	Kết nối mạng WAN ngành y tế	Tạo dựng hệ thống kết nối mạng WAN giữa 3 miền Bắc, Trung, Nam nhằm trao đổi thông tin thông suốt trong hệ thống y tế phục vụ sự nghiệp chăm sóc sức khỏe nhân dân	NSNN	2011-2015	Văn phòng Bộ
2	Dự án cơ sở dữ liệu y tế quốc gia	Ngành y tế sẽ xây dựng một hệ thống cơ sở dữ liệu (CSDL) Y tế quốc gia nhằm phục vụ công tác quản lý, điều hành và phục vụ người dân và doanh nghiệp. Hệ thống CSDL này bao gồm một số CSDL thành phần (CSDL Hành chính y tế, CSDL Khám chữa bệnh, CSDL bảo hiểm y tế, CSDL quản lý thuốc, CSDL quản lý mỹ phẩm, CSDL quản lý vệ sinh an toàn thực phẩm, CSDL quản lý vắc xin,..) kết hợp với nhau thông qua các phần dữ liệu chung.	NSNN	2011-2015	Vụ Khoa học và Đào tạo

STT	Tên dự án, nhiệm vụ	Mục tiêu	Nguồn vốn	Thời gian thực hiện	Đơn vị chủ trì
		Hệ thống CSDL được xây dựng dựa trên thiết kế chung thống nhất bao gồm thiết kế tổng thể và thiết kế chi tiết cho từng CSDL thành phần. Thống nhất quản lý cơ sở dữ liệu y tế quốc gia tại Trung tâm tích hợp dữ liệu Bộ Y tế			
3	Xây dựng chuẩn trao đổi thông tin điện tử y tế, chuẩn quy trình hoạt động y tế có ứng dụng CNTT và các chuẩn về CNTT sử dụng trong ngành y tế.	Tăng cường xây dựng và áp dụng các chuẩn công nghệ thông tin y tế của thế giới như chuẩn trao đổi dữ liệu chuẩn HL7, hình ảnh DICOM,.. thống nhất áp dụng tại Việt Nam	NSNN	2011-2015	Vụ Khoa học và Đào tạo
4	Xây dựng kiến trúc tổng thể CNTT ngành y tế	Nghiên cứu kiến trúc tổng thể CNTT y tế và đề xuất mô hình thí điểm tại các bệnh viện, viện nghiên cứu	NSNN	2011-2015	Vụ Khoa học và Đào tạo
5	Xây dựng hệ thống bảo mật, an toàn, an ninh thông tin và ứng dụng chữ ký số	Ban hành văn bản quản lý điều hành của ngành và ứng dụng bảo mật, an toàn, an ninh thông tin và chữ ký số vào cơ quan bộ y tế và đơn vị trực thuộc	NSNN	2011-2015	Vụ Khoa học và Đào tạo
II	Ứng dụng công nghệ thông tin trong cơ quan nhà nước				
6	Dự án xây dựng dịch vụ tư vấn y tế, khám chữa bệnh từ xa	Cung cấp thông tin sức khỏe, tư vấn khám chữa bệnh cho người dân từ xa thông qua môi trường điện tử và hỗ trợ đào tạo, chuyển giao kỹ thuật - công nghệ tư vấn chẩn đoán và điều trị từ xa qua mạng cho bệnh viện các tuyến	NSTƯ	2011-2015	Vụ Khoa học và Đào tạo phối hợp với Cục Quản lý khám, chữa bệnh

STT	Tên dự án, nhiệm vụ	Mục tiêu	Nguồn vốn	Thời gian thực hiện	Đơn vị chủ trì
7	Dự án Xây dựng bệnh án điện tử và hệ thống quản lý khám chữa bệnh	Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý bệnh viện góp phần hiện đại hóa các bệnh viện, nâng cao chất lượng chuyên môn, tăng cường cải cách hành chính các bệnh viện giảm thủ tục phiền hà, tạo công bằng trong chăm sóc sức khỏe góp phần nâng cao chất lượng công tác khám chữa bệnh cho nhân dân	NSTU	2011-2015	Vụ Khoa học và Đào tạo
8	Dự án ứng dụng CNTT trong quản lý Dược và Mỹ phẩm	Xây dựng hệ thống thông tin phục vụ cho quản lý nhà nước về Dược và Mỹ phẩm, cung cấp thông tin phục vụ lãnh đạo ngành y tế, cung cấp dịch vụ công cho doanh nghiệp và người dân. Hạ tầng thông tin dùng chung cho các doanh nghiệp để điều phối việc cung cấp thông tin trên phạm vi cả nước	NSNN và huy động	2011-2015	Cục quản lý Dược
9	Dự án xây dựng cơ sở dữ liệu dân số và quản lý biến động dân cư	Quản lý thống nhất dữ liệu dân số và kế hoạch hóa gia đình phục vụ phân tích nòi giống và yếu tố sức khỏe nhân dân.	NSNN và huy động	2011-2015	Tổng cục DSKHHGD
10	Dự án xây dựng cơ sở dữ liệu về y dược học cổ truyền	Xây dựng cơ sở dữ liệu và thống nhất lưu trữ tài sản y dược cổ truyền quốc gia	NSNN và huy động	2011-2015	Vụ Y học Cổ truyền
11	Dự án xây dựng Hệ thống thông tin kết nối liên thư viện y tế	Thiết lập hệ thống thông tin kết nối giữa các thư viện y học trong nước nhằm chia sẻ nguồn lực thông tin và bổ	NSNN và huy động	2011-2015	Vụ Khoa học và Đào tạo

STT	Tên dự án, nhiệm vụ	Mục tiêu	Nguồn vốn	Thời gian thực hiện	Đơn vị chủ trì
		sung vào nguồn thông tin thư viện trực tuyến tài liệu số hóa phục vụ sinh viên, nhà nghiên cứu và cộng đồng, đồng thời giúp tiết kiệm thời gian, giảm thiểu chi phí và quản lý nguồn cơ sở dữ liệu thư viện một cách ưu việt nhất			
12	Dự án xây dựng hệ thống tin quản lý, điều hành của lãnh đạo Bộ	Giúp hỗ trợ lãnh đạo bộ quản lý, điều hành các công việc tuyển dưới như các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, các Sở y tế.	NSNN và huy động	2011-2015	Vụ Khoa học và Đào tạo
13	Dự án quản lý đầu tư y tế	Quản lý các hoạt động xây dựng, triển khai, theo dõi, giám sát và đánh giá mọi mặt các dự án đầu tư cho ngành y tế ở các cấp	NSNN và huy động	2011-2015	Vụ Kế hoạch và Tài chính
14	Dự án quản lý và thực hiện đấu thầu y tế	Xây dựng một hệ thống quản lý việc đấu thầu của ngành	NSNN và huy động	2011-2015	Vụ Kế hoạch và Tài chính
15	Dự án nâng cao năng lực của hệ thống thông tin y tế	Xây dựng một hệ thống thu thập, phân tích và xử lý thông tin y tế dựa trên nền tảng web. Nhằm mục đích tăng cường chất lượng, đồng bộ hóa thông tin giữa các tuyến, giữa các tổ chức và đáp ứng tốt thời gian gửi thông tin cho các tuyến	NSNN và huy động	2011-2015	Vụ Kế hoạch và Tài chính
16	Dự án xây dựng Hệ cơ sở dữ liệu thông kê y tế	Xây dựng và phát triển hệ cơ sở dữ liệu về thống kê y tế. Trên cơ sở đó lưu trữ, phân tích dữ liệu thống kê, phục vụ lãnh đạo bộ, lãnh đạo các cơ quan và làm cơ sở cho việc lập kế hoạch, theo	NSNN và huy động	2011-2015	Vụ Kế hoạch và Tài chính

STT	Tên dự án, nhiệm vụ	Mục tiêu	Nguồn vốn	Thời gian thực hiện	Đơn vị chủ trì
		dõi và đánh giá hoạt động toàn ngành			
17	Dự án xây dựng hệ thống quản lý tài khoản y tế quốc gia	Xây dựng hệ thống thu thập báo cáo, xử lý, thống kê về tài khoản y tế quốc gia. Giúp cho việc phân bổ, theo dõi, kiểm tra hoạt động về đầu tư cho ngành	NSNN và huy động	2011-2015	Vụ Kế hoạch và Tài chính
19	Ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý an toàn vệ sinh thực phẩm	Tăng cường chất lượng của hệ thống thông tin và xây dựng các bộ cơ sở dữ liệu chuyên môn thuộc lĩnh vực bảo đảm an toàn vệ sinh thực phẩm, nâng cao năng lực điều hành quản lý của các cấp lãnh đạo trong lĩnh vực an toàn vệ sinh thực phẩm. Đồng thời, cung cấp thông tin cần thiết và các dịch vụ hành chính công của cơ quan Nhà nước phục vụ người dân và doanh nghiệp	NSNN và huy động	2011-2015	Cục An toàn vệ sinh thực phẩm
20	Xây dựng hệ thống quản lý dữ liệu nhân lực y tế	Quản lý thống nhất dữ liệu nhân lực y tế trên môi trường điện tử	NSNN và huy động	2011-2015	Vụ Tổ chức cán bộ
22	Quản lý hồ sơ cán bộ, công chức cơ quan bộ	Quản lý thống nhất hồ sơ cán bộ công chức cơ quan bộ y tế trên môi trường điện tử	NSNN và huy động	2011-2015	Vụ Tổ chức cán bộ
24	Hệ thống Quản lý đào tạo nguồn nhân lực y tế	Quản lý thống nhất từ khâu đào tạo cán bộ y tế đến đảm nhận công việc trong khối công tư	NSNN và huy động	2011-2015	Vụ Tổ chức cán bộ phối hợp Vụ Khoa học và Đào tạo
III	Ứng dụng công nghệ thông tin phục vụ người dân và doanh nghiệp				
25	Công thông tin điện tử - Bộ Y tế (Giai đoạn II)		NSNN và huy	2011-2015	Văn phòng Bộ

STT	Tên dự án, nhiệm vụ	Mục tiêu	Nguồn vốn	Thời gian thực hiện	Đơn vị chủ trì
			động		
26	Cấp, gia hạn chứng chỉ hành nghề y tư nhân qua mạng	Thực hiện dịch vụ công tối thiểu mức độ 3	NSNN và huy động	2011-2015	Cục Quản lý khám, chữa bệnh
27	Cho phép tổ chức các đợt khám, chữa bệnh nhân đạo	Thực hiện dịch vụ công tối thiểu mức độ 3	NSNN và huy động	2011-2015	Cục Quản lý khám, chữa bệnh
28	Cho phép người nước ngoài làm công việc chuyên môn tại Việt Nam	Thực hiện dịch vụ công tối thiểu mức độ 3	NSNN và huy động	2011-2015	Cục Quản lý khám, chữa bệnh
29	Tiếp nhận và xem xét hồ sơ kê khai giá thuốc	Thực hiện dịch vụ công tối thiểu mức độ 3	NSNN và huy động	2011-2015	Cục Quản lý Dược
30	Cấp số tiếp nhận công bố sản phẩm mỹ phẩm	Thực hiện dịch vụ công tối thiểu mức độ 3	NSNN và huy động	2011-2015	Cục Quản lý Dược
31	Cấp Giấy tiếp nhận hồ sơ thông tin, quảng cáo thuốc	Thực hiện dịch vụ công tối thiểu mức độ 3	NSNN và huy động	2011-2015	Cục Quản lý Dược
32	Cấp Giấy phép nhập khẩu thiết bị y tế	Thực hiện dịch vụ công tối thiểu mức độ 3	NSNN và huy động	2011-2015	Văn phòng Bộ phối hợp Vụ TTB và Công trình y tế
33	Đăng ký thử thuốc trên lâm sàng	Thực hiện dịch vụ công tối thiểu mức độ 3	NSNN và huy động	2011-2015	Văn phòng Bộ phối hợp Vụ Khoa học và Đào tạo

STT	Tên dự án, nhiệm vụ	Mục tiêu	Nguồn vốn	Thời gian thực hiện	Đơn vị chủ trì
34	Cấp Giấy chứng nhận tiêu chuẩn thực phẩm	Thực hiện dịch vụ công tối thiểu mức độ 3	NSNN và huy động	2011-2015	Cục An toàn vệ sinh thực phẩm
35	Đăng ký khảo nghiệm hóa chất, chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế	Thực hiện dịch vụ công tối thiểu mức độ 3	NSNN và huy động	2011-2015	Cục quản lý môi trường y tế
36	Cấp giấy chứng nhận đăng ký lưu hành chính thức, bổ sung phạm vi sử dụng, đổi tên thương mại, lưu hành lại hóa chất, chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế	Thực hiện dịch vụ công tối thiểu mức độ 3	NSNN và huy động	2011-2015	Cục quản lý môi trường y tế
37	Cấp giấy phép nhập khẩu hóa chất diệt côn trùng, diệt khuẩn	Thực hiện dịch vụ công tối thiểu mức độ 3	NSNN và huy động	2011-2015	Cục quản lý môi trường y tế
38	Cấp giấy tiếp nhận hồ sơ đăng ký quảng cáo hóa chất diệt côn trùng, diệt khuẩn	Thực hiện dịch vụ công tối thiểu mức độ 3	NSNN và huy động	2011-2015	Cục quản lý môi trường y tế
IV	Nguồn nhân lực cho ứng dụng công nghệ thông tin				
39	Đào tạo cán bộ chuyên trách về công nghệ thông tin y tế	- Nâng cao trình độ quản lý về công nghệ thông tin cho đội ngũ cán bộ quản lý công nghệ thông tin.	Nguồn vốn sự nghiệp	2011-2015	Vụ Khoa học và Đào tạo, Vụ Tổ chức cán bộ

STT	Tên dự án, nhiệm vụ	Mục tiêu	Nguồn vốn	Thời gian thực hiện	Đơn vị chủ trì
		- Nâng cao trình độ công nghệ thông tin cho cán bộ chuyên trách công nghệ thông tin trong các đơn vị thuộc và trực thuộc Bộ			
40	Đào tạo phổ cập ứng dụng công nghệ thông tin cho cán bộ, công chức, viên chức	Nâng cao trình độ ứng dụng công nghệ thông tin cho cán bộ, công chức, viên chức của Bộ và của các cơ quan trực thuộc Bộ	Nguồn vốn sự nghiệp	2011-2015	Vụ Tổ chức cán bộ